

Group 17

A-Level Chemistry · Vocabulary

English	中文	Pinyin
halogen	卤素	lǔ sù
group	族	zú
volatility	挥发性	huī fā xìng
instantaneous dipole	瞬时偶极	shùn shí ǒu jí
induced dipole	诱导偶极	yòu dǎo ǒu jí
bond energy	键能	jiàn néng
oxidising agent	氧化剂	yǎng huà jì
hydrogen halide	卤化氢	lǔ huà qīng
thermal stability	热稳定性	rè wěn dìng xìng
halide ion	卤离子	lǔ lí zǐ
reducing agent	还原剂	huán yuán jì
ammonia	氨	ān
precipitate	沉淀	chén diàn
oxidation number	氧化数	yǎng huà shù
disproportionation	歧化	qí huà
water purification	水净化	shuǐ jìng huà
bacteria	细菌	xì jūn